TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NINH**	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập- Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/DS-PT
Ngày: 21 - 4 -2023
"V/v tranh chấp : "Yêu cầu tuyên bố Hợp đồng vô hiệu; yêu cầu chia di sản thừa kế; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; yêu cầu giải quyết hậu quả của Hợp đồng vô hiệu"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông *Nguyễn Hồng Ánh*
Các thẩm phán: - Ông Ngô Văn Thắng.
- Ông Bùi Đức Thanh.

- Thư ký phiên toà: bà Phạm Thị Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân ***tỉnh*** *Quảng* ***Ninh.***

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 23 tháng 3, ngày 17 và ngày 21 tháng 4 năm 2023, tại Hội trường xét xử số 4, Toà án nhân dân tỉnh ***Quảng*** Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 54/2022/TLPT-DS *ngày 21/11/2022 về việc Yêu cầu tuyên bố Hợp đồng vô hiệu; yêu cầu chia di sản thừa kế; yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; yêu cầu giải quyết hậu quả của* Hợp đồng vô hiệu".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Toà án nhân dân huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh bị Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Đồn tỉnh Quảng Ninh kháng nghị; nguyên đơn ông Hoàng Minh Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 06/2023/QĐ-PT ngày 06/02/2023, và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2023/QĐPT - DS ngày 23/3/2023, giữa các đương **sự:**

1. Nguyên đơn: Ông Hoàng Minh Q, sinh năm: 1958 (chết ngày 20/3/2023). Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn: bà Nguyễn Thị D sinh năm

1958, anh Hoàng Đức Q1 sinh năm 1982, chị Hoàng Nha T sinh năm 1984, anh Hoàng Ba L sinh năm 1988; đều trú tại địa chỉ: thôn Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Quảng Ninh.

- Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị D, anh Hoàng Đức Q1, chị Hoàng Nha T, anh Hoàng Ba L: ông Bùi Huy T1; địa chỉ: thôn H, xã H, huyện V, tỉnh Quảng Ninh (Hợp đồng ủy quyền lập tại Văn phòng C1, Vân Đồn ngày 14/4/2023), có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị D, anh Hoàng Đức Q1, chị Hoàng Nha T, anh Hoàng Ba L: bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1988 là Luật sư thuộc Công ty L2 và Cộng sự, chi nhánh Q3; địa chỉ: số A, tổ E, khu F, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh, có mặt

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1941; Địa chỉ: **thôn A, xã** H, huyện V, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền cho ông Nguyễn Văn H: Ông Nguyễn Quốc Q2, sinh năm 1977; địa chỉ: tổ F, khu B, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh (Hợp đồng ủy quyền tại Văn phòng C1, Vân Đồn ngày 16/4/2021), vắng mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Văn H: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1979 là Luật sư Công ty TNHH B, thuộc Đoàn Luật sư Tỉnh Q; địa chỉ liên hệ: số E đường N, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Hoàng Đức L1, sinh năm: 1957; địa chỉ: thôn P, **xã H, huyện B, tỉnh Hải Dương, có** mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hoàng Ngọc O1: ông Bùi Huy T1; địa chỉ: thôn H, xã H, huyện V, tỉnh Quảng Ninh (Hợp đồng ủy quyền lập tại Văn phòng C1, Vân Đồn ngày 15/7/2021), có mặt.

- Ông Hoàng Ngọc O1, sinh năm: 1964; địa chỉ: thôn Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hoàng Ngọc O1: ông Bùi Huy T1; địa chỉ: thôn H, xã H, huyện V, tỉnh Quảng Ninh (Hợp đồng ủy quyền lập tại Văn phòng C1, Vân Đồn ngày 02/7/2021), có mặt.

- Ông Lưu Đức H1, sinh năm: 1972; địa chỉ: số nhà C, phố B, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương, có mặt.

- Bà Nguyễn Thị D, sinh năm: 1958; địa chỉ: thôn Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền của bà Nuyễn Thị D1: bà Mai Phương T2; địa chỉ: tổ E, khu D, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (Hợp đồng ủy quyền lập tại Văn phòng C1, Vân Đồn ngày 15/02/2023), vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Văn phòng C1; địa chỉ: Số B, khu E, thị trấn C, huyện V, tỉnh Quảng Ninh. Người đại diện theo pháp luật ông Phạm Ngọc V, vắng mặt.

- Ông Nguyễn Ngọc T3, sinh năm: 1974; địa chỉ: thôn L, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương (khu L, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương), vắng mặt.

- Bà Đoàn Thị H2, sinh năm: 1987; địa chỉ: thôn L, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương, vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân huyện V; địa chỉ trụ sở: khu E, thị trấn C, huyện V, tỉnh Quảng Ninh. Người đại diện theo pháp luật: ông Vũ Đức H3 – chức vụ: chủ tịch UBND, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Anh Nguyễn Văn T4 (tên thường gọi là H3), sinh năm 1971; địa chỉ: thôn A, xã H, huyện V, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

- Anh Nguyễn Văn T5 (tên thường gọi là X), sinh năm 1973; địa chỉ: khu E, thị trấn C, huyện V, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1974; địa chỉ: thôn N, xã V, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

4. Người kháng cáo: ông Hoàng Minh Q là nguyên đơn, bà Nguyễn Thị D là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

5. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện, được bổ sung bằng các lời khai tiếp theo, nguyên đơn và **đại diện theo Ủy** quyền của nguyên đơn trình bày:

Bố mẹ ông Hoàng Minh Q là ông Hoàng Văn P và bà **Hoàng Thị T6 sau** khi kết hôn sống tại huyện H, tỉnh Quảng **Ninh** và ***sinh được ba người con gồm: Hoàng Đức L1, Hoàng Minh Q và Hoàng Ngọc O1.*** Năm 1965, ông Hoàng Văn P chiến đấu hy sinh. Năm 1980, mẹ ông là bà Hoàng Thị T6 chuyển về huyện V và được Nhà nước giao cho thửa đất diện tích 450m2 tại thôn A, xã H, huyện V, tỉnh Quảng

Ninh. Năm 2004 bà Hoàng Thị T6 chết. Toàn bộ tài sản mẹ ông để lại cho anh em ông, chưa thực hiện thủ tục phân chia di sản thừa kế. Khoảng tháng 12/2019, ông được biết tài sản mẹ ông để lại đã bị ông Nguyễn Văn H (là người sống chung với mẹ ông như vợ chồng) tự ý làm thủ tục chuyển nhượng cho người khác. Sau khi tiếp cận Hồ sơ chuyển nhượng, ông Q thấy rằng: ngày 26/9/2003, bà Hoàng Thị T6 được UBND huyện V cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số R 068536 vào sổ cấp đất số: 1156/QSDĐ diện tích là 450m2. Năm 2006 ông Nguyễn Văn H đã tự ý sang tên 450m2 đất cho ông H chỉ dựa vào đơn đề nghị do ông H viết ngày 15/9/2006 là trái quy định của pháp luật. Tiếp đến năm 2018, ông H lại làm hồ sơ xin đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ đỏ) sang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sổ hồng). Khi đổi sổ, ông H vẫn cố tình không thực hiện thủ tục phân chia di sản thừa kế mà vẫn đứng tên một mình ông H. Ngày 23/12/2019, ông Nguyễn Văn H xác lập giao dịch chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nêu trên sang cho ông Nguyễn Ngọc T3 và bà Đoàn Thị H2 tại Văn phòng C1, tỉnh Quảng Ninh với số tiền thể hiện trên Hợp đồng chuyển nhượng là 320.000.000 đồng. Qua tìm hiểu, ông Q được biết số tiền thực tế ông H chuyển nhượng cho ông Nguyễn Ngọc T3 và bà Đoàn Thị H2 là 6.800.000.000 đồng; trong đó có 100.000.000 đồng tiền đặt cọc và 6.700.000.000 đồng ông T3 và bà H2 thanh toán cho ông H ngày 23/12/2019 thông qua tài khoản 8005205120900.

Như vậy, việc ông H tự ý chuyển quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là di sản của mẹ ông Q để lại khi chưa làm thủ tục phân chia di sản thừa kế là trái pháp luật xâm hại đến lợi ích của ông Q và các đồng thừa kế khác. Việc để giá chuyển nhượng thấp là giao dịch giả tạo, vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 124 Bộ luật dân sự.

Nguyên đơn yêu cầu:

1. Đề nghị tuyên bố Vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất giao kết giữa ông Nguyễn Văn H với ông Nguyễn Ngọc T3 và bà Đoàn Thị H2.

2. Yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất số 77, tờ bản đồ số 41, diện tích 457,4m2 (trong đó có 400m2 đất ở tại nông thôn, 57,4m2 đất trồng cây lâu năm tại thôn A, xã H, huyện V, tỉnh Quảng Ninh. Trường hợp nếu không chia bằng hiện vật thì yêu cầu chia bằng giá trị thực tế của thửa đất.

3. Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 887712, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: H 2730 do UBND huyện V cấp ngày 13/11/2006 mang tên ông Nguyễn Văn H; hủy Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CL 157949, số vào sổ: CH 06067 do UBND huyện V cấp ngày 06/3/2018 mang tên ông Nguyễn Văn H chuyển nhượng cho ông Nguyễn Ngọc T3 và bà Đoàn Thị H2, được văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện V xác nhận ngày 07/01/2020.

4. Yêu cầu Tòa án tuyên bố vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 01/4/2021 giữa anh Lưu Đức H1 với ông Nguyễn Ngọc T3 và bà Đoàn Thị H2 và giải quyết hậu quả của Hợp đồng vô hiệu.

5. Yêu cầu giải quyết hậu quả của Hợp đồng vô hiệu trong trường hợp Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giao kết giữa ông Nguyễn Văn H với ông Nguyễn Ngọc T3 và bà Đoàn Thị H2 bị vô hiệu.

* Bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Thửa đất đang tranh chấp không phải là tài sản của bà Hoàng Thị T6 mà là tài sản riêng của ông Nguyễn Văn H. Thửa đất này đã được UBND huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên Nguyễn Văn H theo đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình sử dụng đất cho đến khi chuyển nhượng thì thửa đất trên không có tranh chấp, không bị ***xử lý vi phạm hành chính. Không có căn cứ để xác định thửa đất số 77*** tờ bản đồ số 41, diện tích 457,4m2 tại thôn A, xã H, huyện V, tỉnh Quảng Ninh là di sản thừa kế của bà Hoàng Thị T6. Mặt khác, thửa đất này hiện nay không thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Văn H mà là thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Ngọc T3 và bà Đoàn Thị H2. Do đó, ông Nguyễn Văn H không có quyền lợi và nghĩa vụ đối với thửa đất này. Do thửa đất không được coi là di sản thừa kế nên ông Hoàng Minh Q yêu cầu chia di sản thừa kế là không có căn cứ.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Hoàng Ngọc O1 và ông Hoàng Đức L1 có các lời khai giống nhau tại Tòa án như sau:

Bố mẹ các ông là ông Hoàng Văn P và bà Hoàng Thị T6 sau khi kết hôn sống tại huyện H, tỉnh Quảng Ninh và sinh được ba người con gồm: Hoàng Đức L1, Hoàng Minh Q và Hoàng Ngọc O1. Năm 1965, bố ông chiến đấu hy sinh. Năm 1980, mẹ hai ông là bà Hoàng Thị T6 chuyển ***về huyện V và được Nhà*** nước giao cho ***thửa đất diện*** tích ***450m2 tại*** thôn ***A, xã H,*** huyện ***V, tỉnh Quảng Ninh. Năm 2003,***

bà T6 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên. Năm 2004, bà Hoàng Thị T6 chết. Toàn bộ tài sản mẹ các ông để lại cho anh em ông, chưa thực hiện thủ tục phân chia di sản thừa kế. Theo thông tin ông là Hoàng Minh Q cho biết: khoảng tháng 12/2019, tài sản mẹ các ông để lại đã bị ông Nguyễn Văn H (là người sống chung với mẹ ông như vợ chồng) tự ý làm thủ tục chuyển nhượng cho người khác. Thấy rằng thửa đất của mẹ các ông để lại chưa làm thủ tục phân chia di sản thừa kế nhưng ông H đã tự ý làm thủ tục sang tên cho ông H, sau đó chuyển nhượng cho người khác khi chưa được sự đồng ý của các anh em ông là trái pháp luật, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của các ông và các đồng thừa kế khác.

Nay ông Hoàng Minh Q có các yêu cầu tuyên bố Hợp đồng vô hiệu, yêu cầu chia di sản thừa kế, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, yêu cầu giải quyết hậu quả của Hợp đồng vô hiệu thì cả ông Hoàng Ngọc O1 và Hoàng Đức L1 đều đồng ý.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D khai:

Bà là vợ của ông Hoàng Minh Q. Trên thửa đất đang tranh chấp có tài sản chung của vợ chồng bà và ông Q là ngôi nhà cấp 4 diện tích 28,7m2 do vợ chồng ông bà bỏ tiền ra xây. Mẹ chồng bà là bà Hoàng Thị T6 là vợ liệt sỹ được *hưởng* chính sách của Nhà Nước hỗ trợ 5.000.000 đồng. Vợ chồng bà đã bỏ ra thêm 8.000.000 đồng để xây dựng nên ngôi nhà hết 13.000.000 đồng. Năm 2004, sau khi mẹ chồng bà chết, vợ chồng bà vẫn tiếp tục quản lý ngôi nhà này. Được một thời gian, ông H dọn vào ở ***nhưng không xin phép vợ chồng bà, nên đã sảy ra tranh chấp. Vụ việc đã*** phải nhờ đến ***sự can thiệp*** của UBND xã H hòa giải. Sau này, do nể ông H đã sống chung với mẹ chồng bà một thời gian và ông H cũng đã già nên vợ chồng bà cho ông H ở nhờ trong ngôi nhà nêu trên. Việc ông H tự ý chuyển nhượng ngôi nhà cấp 4, diện tích 28,7m2 của vợ chồng bà cho ông Nguyễn Ngọc T3 và bà Đoàn Thị H2 là trái pháp luật.

Quan điểm của bà Nguyễn Thị D: Thanh toán cho vợ chồng bà số tiền xây dựng ngôi nhà tính theo giá trị hiện tại là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc T3 khai:

Cuối năm 2019, ông và vợ là bà Đoàn Thị H2 được biết ông Nguyễn Văn H, địa chỉ: thôn A, xã H, huyện V mong muốn chuyển nhượng thửa đất số 77, tờ bản đồ số 41, diện tích 457,4m2, trên đất có 01 nhà cấp bốn xây năm 1991 kết cấu gạch vôi, mái ngói, diện tích 28,7m2, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH

06067 do UBND huyện V cấp ngày 06/3/2018. Sau khi thỏa thuận về giá trị chuyển nhượng, các bên cùng ra văn phòng C1, địa chỉ tại khu E, thị trấn C ***để ký kết và công chứng Hợp đồng chuyển nhượng.***

Ngày 23/12/2019, tại Văn phòng C1, sau khi công chứng viên rà soát hồ sơ, tài liệu do ông Nguyễn Văn H và vợ chồng ông cung cấp, các bên đã cùng ký kết Hợp đồng chuyển nhượng, công chứng số 6347 ngày 23/12/2019 và nộp Hồ sơ đề nghị đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện V.

Ngày 07/01/2020, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện V ghi nhận nội dung dăng ký biến động trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Ngọc T3 và bà Đoàn Thị H2.

Ngày 08/9/2020, vợ chồng ông thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để vay vốn tại Ngân hàng N, chi nhánh huyện T, tỉnh Hải Dương theo Hồ sơ số 1333. Ngày 31/3/2021, vợ chồng ông đã xóa thế chấp theo Hồ sơ số 618. Toàn bộ các giao dịch trên đều được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện V xem xét và ghi nhận vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đầu tháng 4/2021, do không còn nhu cầu sử dụng, vợ chồng ông đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho ông Lưu Đức H1, địa chỉ: Số C, B, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, công chứng số 906, quyển 02/2021 TP/CC – SCC/HĐGD do Văn phòng C1 lập ngày 01/4/2021 và nộp Hồ sơ đề nghị đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện V.

Ngày 09/4/2021, Vợ chồng ông nhận được Công văn số 127/VPĐKQSDĐ của Văn phòng đăng ký quyền sử dung đất huyện V với nội dung dừng giao dịch đối với thửa đất số 77, tờ bản đồ số 41 diện tích 457,4m2 tại thôn A, xã H, huyện V, được UBND huyện V cấp cho ông Nguyễn Văn H.

Vợ chồng ông hết sức bất ngờ, không hề biết thửa đất trên đã từng thuộc quyền sử dụng của bà Nguyễn Thị T7, cũng không biết việc ông H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đúng quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, vợ chồng ông cho rằng: Giao dịch chuyển nhượng giữa vợ chồng ông và ông H không vô hiệu theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Diều 133 Bộ Luật dân sự 2015 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông H chuyển nhượng

cho vợ chồng ông không bị thu hồi theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 Luật đất đai và khoản 5 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (sửa đổi bởi khoản 26 Điều 1 Nghị định 148/2020/NĐ – CP ngày 18/12/2020)

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là ông Lưu Đức H1 khai:

Ông H1 được biết vợ chồng ông Nguyễn Ngọc T3 và bà Đoàn Thị Hồng t tại thị trấn T, tỉnh Hải Dương có thửa đất tại thôn A, xã H, huyện V, tỉnh Quảng Ninh không có nhu cầu sử dụng nên ông đã hỏi mua. Sau khi thỏa thuận và thống nhất về giá chuyển nhượng, ngày 01/4/2021, ông cùng với ông T3, bà H2 đã ra văn phòng C1, địa chỉ khu E, thị trấn C, huyện V, tỉnh Quảng Ninh để ký kết Hợp đồng chuyển nhượng. Cùng ngày, ông nộp toàn bộ Hồ sơ cùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sang văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất ***đề nghị chuyển đổi sang tên ông là Lưu Đức H1. Ngày 12/4/2021,*** ông nhận được ***thông báo của văn phòng*** đăng ký quyền sử dụng đất trả lại Hồ sơ cho công dân với lý do ông Hoàng Minh Q là con bà T7 (ông chưa nghe tên bao giờ) yêu cầu dừng toàn bộ giao dịch đối với thửa đất số 77, tờ bản đồ số 41, diện tích 457,4m2, là thửa đất ông đã làm hợp đồng chuyển nhượng hợp pháp tại phòng C2 Quảng ngày 01/4/2021 với ông Nguyễn Ngọc T3 và bà Đoàn Thị H2. Ông khẳng định giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất ghi biến động ngày 07/01/2020 mang tên ông Nguyễn Ngọc T3 và bà Đoàn Thị H2 và sau hơn một năm ông mới mua lại thửa đất trên, làm tất cả các thủ tục cần thiết và hợp pháp.

Ông Lưu Đức H1 yêu cầu Tòa án xem xét và bảo vệ quyền lợi cho ông, giữ nguyên Hợp đồng chuyển nhượng công chứng số: 906 Quyển 02/2021 TP/CC – SCC/HĐGD do Văn phòng C1 Quảng lập ngày 01/4/2021.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Văn phòng C1 khai:

Ngày 23/12/2019, Văn phòng C1 tiếp nhận yêu cầu công chứng của bà Đoàn Thị H2 với nội dung yêu cầu công chứng Hợp đồng chuyển nhượng. Sau khi tiếp nhận yêu cầu công chứng, Công chứng viên đã giải thích rõ quy định của pháp luật về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản gắn liền với đất; đồng thời yêu cầu các bên tham gia chuyển nhượng cung cấp đầy đủ giấy tờ chứng minh về nhân thân, về tình trạng hôn nhân, về nơi cư trú, về tài sản chuyển nhượng. Sau khi người yêu cầu công chứng cung cấp đầy đủ hồ sơ cần thiết, Công chứng viên đã soạn thảo dự thảo Hợp đồng theo sự thỏa thuận của các bên, để các

bên đọc kỹ lại hợp đồng, đồng thời công chứng viên cũng giải thích toàn bộ nội dung Hợp đồng và điều chỉnh, sửa chữa theo yêu cầu của các bên tham gia giao kết Hợp đồng. ***Văn phòng C1 Quảng căn cứ giấy chứng*** nhận quyền ***sử dụng đất*** mang ***tên ông*** Nguyễn Văn H và Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân nên xác định chủ thể chuyển nhượng của Hợp đồng là một người – ông Nguyễn Văn H là đúng pháp luật. Việc thỏa thuận chuyển nhượng là ý chí tự nguyện của các bên tại thời điểm công chứng. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đáp ứng đầy đủ các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự quy định tại Điều 117 Bộ luật dân sự.

Như vậy, Văn phòng C1 Quảng chứng nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất theo số công chứng 6347.2019/HĐCN, quyển số 13/TP/CC-SCC/HĐGD là hoàn toàn đúng quy định pháp luật về trình tự thủ tục công chứng, đúng hình thức và nội dung hợp đồng chuyển nhượng.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – UBND huyện V khai:

Sau khi rà soát hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sổ 1156 mang tên bà Hoàng Thị T6, diện tích cấp 450m2 (trong đó đất ở 400m2; đất vườn trồng cây lâu năm: 50m2), tại thôn A, xã H, huyện V, tỉnh Quảng Ninh thấy rằng:

Ngày 17/02/2004, bà Hoàng Thị T6 chết không để lại di chúc. Ngày 15/9/2006, ông Nguyễn Văn H có đơn đề nghị gửi UBND xã H và phòng T11 đề nghị cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ tên bà Hoàng Thị T6 sang tên ông Nguyễn Văn H.

Ngày 13/11/2006, ông Nguyễn Văn H được UBND huyện V cấp đổi sang giấy chứng nhận, số vào sổ H 2730; diện tích cấp 450m2 (trong đó 400 ***m***2 đất ***ở; 50m2 đất trồng cấy lâu năm), tại*** thôn A, xã ***H, huyện V.***

Khi chuyển tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ bà Hoàng Thị T6 sang ông Nguyễn Văn H, gia đình chưa thực hiện phân chia di sản cho các hàng thừa kế theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/02/2018, ông Nguyễn Văn H làm đơn và hồ sơ xin cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và có xác nhận của UBND xã H ngày 13/02/2018; diện tích tăng so với giấy đã cấp sổ số H 2730 ngày 13/11/2006 là 7,4m2 đất trồng cây lâu năm. Nguyên nhân tăng diện tích là do phương pháp đo đạc trước đây chưa chính xác. Căn cứ hồ sơ và

điều kiện, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất đã trình UBND huyện V ký cấp đổi thành Giaays chứng nhận số vào sổ CH 06069 ngày 06/3/2018, diện tích 457,4m2 (trong đó đất ở: 400m2; đất trồng cây lâu năm 57,4m^2).

Sau khi được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ngày 23/12/2019 ông Nguyễn Văn H đã làm thủ tục chuyển nhượng cả thửa đất cho hộ gia đình ông bà Nguyễn Ngọc T3 và Đoàn Thị H2, địa chỉ: Thôn L, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương, được Văn phòng C1 và được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất xác nhận ngày 07/01/2020.

Như vậy, việc gia đình ông Nguyễn Văn H năm 2006 chưa thực hiện việc phân chia di sản thừa kế cho các hàng thừa kế theo quy định của pháp luật mà đã thực hiện việc sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ bà Hoàng Thị T6 sang tên ông Nguyễn Văn H là trái với quy định của pháp luật.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 106 Luật đất đai 2013, khoản 5 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ – CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì việc sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ bà Hoàng Thị T6 sang tên ông Nguyễn Văn H khi chưa thực hiện việc phân chia tài sản cho các hàng thừa kế theo quy định là trái pháp luật. Song do ông H đã chuyển quyền sử dụng đất cho người khác nên không có cơ sở để thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; việc xử lý thiệt hại do việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trái pháp luật gây ra thực hiện theo Quyết định hoặc bản án của Tòa án nhân dân.

Với nội dung trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Vân Đồn đã tuyên xử:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 171, Điều 173, Điều 271, Điều 273, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 650, Điều 651, khoản 2 Điều 133 Bộ luật dân sự 2015; điểm d khoản 2 Điều 106 Luật đất đai 2013; khoản 5 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày15/5/2014 của Chính Phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định về án phí, lệ phí;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Minh Q đối với ông Nguyễn Văn H.

Buộc ông Nguyễn Văn H phải có nghĩa vụ thanh toán cho các ông Hoàng Minh Q, Hoàng Đức L1, Hoàng Ngọc O1 mỗi người số tiền 86.969.921đ (T8 mươi sáu triệu, chín trăm sáu mươi chín nghìn, chín trăm hai mươi mốt đồng) là di sản thừa kế của cụ Hoàng Thị T6.

2. Không chấp nhận các yêu cầu **của** ông Hoàng Minh Q gồm:

- Yêu cầu tuyên bố Vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà **ở** và tài sản gắn liền với đất giao kết giữa ông Nguyễn Văn H với ông Nguyễn Ngọc T3 và bà Đoàn Thị **H2**.

- Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sửa dụng đất số AĐ 887712, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sửa dụng đất: H 2730 do UBND huyện V **cấp *ngày 13/11/2006* mang** tên ông Nguyễn Văn H; hủy giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CL 157949, số vào sổ: CH 06067 do UBND huyện V cấp ngày 06/3/2018 mang tên ông Nguyên Văn H4 chuyển nhượng cho ông Nguyễn Ngọc T3 và bà Đoàn Thị H2 được văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện V xác nhận ngày 07/01/2020.

- Yêu cầu Tòa án tuyên bố vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 01/4/2021 giữa anh Lưu Đức H1 với ông Nguyễn Ngọc T3 và bà Đoàn Thị H2 và giải quyết hậu quả của Hợp đồng vô hiệu.

- Yêu cầu giải quyết hậu quả của Hợp đồng vô hiệu trong trường hợp Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giao kết giữa ông Nguyễn Văn H với ông Nguyễn Ngọc T3 và bà Đoàn Thị H2 bị vô hiệu.

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Lưu Đức H1: giữ nguyên Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất giữa ông Nguyễn Ngọc T3, bà Đoàn Thị H2 với ông Lưu Đức H1 lập ngày 01/4/2021 tại Văn phòng C1. Ông Lưu Đức H1 có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để hoàn tất thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đã ký kết với ông Nguyễn Ngọc T3, bà Đoàn Thị H2 được công chứng số: 906, quyển 02/2021 TP/CC - SCC/HĐGD ngày 01/4/2021 tại Văn phòng C1.

4. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị D về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn H thanh toán giá trị ngôi nhà cấp 4 diện tích 28,70m2 cho bà và ông Hoàng Minh Q.

Ngoài ra bản án còn tuyên về lãi suất chậm trả trong trường hợp chậm thi hành án, về án phí, về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/10/2022 ông Hoàng Minh Q là nguyên đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, đề nghị xét xử phúc thẩm lại vụ án theo hướng hủy tòa bộ Bản án sơ thẩm 12/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Vân Đồn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D kháng cáo, yêu cầu xét xử phúc thẩm theo hướng sửa một phần bản án sơ thẩm, chấp yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị D.

Ngày 14/10/2022 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 05/QĐ-VKS-DS, kháng nghị đối với Bản án sơ thẩm số: 12/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Vân Đồn, với nội dung bản án có những vi phạm như sau: xác định mối quan hệ pháp luật chưa chính xác; thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, vi phạm Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự; về nội dung tuyên án vi phạm Điều 651 Bộ luật dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm Người đại diện theo ủy quyền của người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn giữ nguyên nội dung khởi kiện, giữ nguyên nội dung kháng cáo, và trình bày: theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Hoàng Thị T6 thì toàn bộ diện tích 457,4m2 đất được cấp là tài sản riêng của bà T6. Ông H có con chung với bà T6, nhưng ông H thường xuyên đi biển vì vậy ông H không chung sống với bà T6. Về Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông H với ông T3 và bà H2, thì ông T3 và bà H2 không phải là người thứ ba ngay tình, mà là một bên trong giao dịch. Bản án sơ thẩm không đánh giá chứng cứ khách quan, toàn diện, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung kháng nghị.

Các đương sự không thống nhất được với nhau về giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tại phiên tòa phúc thẩm phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát tỉnh Quảng Ninh về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Về tố tụng: thẩm phán được phân công làm chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị chấp nhận một phần nội dung đơn kháng cáo của nguyên đơn về chia thừa kế, chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát, sửa bản án sơ thẩm như nội dung kháng nghị. Xác định số tiền ông H chuyển nhượng cho ông T3 là 6,8 tỷ đồng để làm căn cứ chia di sản thừa kế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh; kháng cáo của nguyên đơn ông Hoàng Minh Q và của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D, đều được thực hiện trong thời hạn luật định; nội dung kháng nghị, kháng cáo trong phạm vi bản án sơ thẩm, nên hợp lệ và được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Đồn tỉnh Quảng Ninh:

[2.1]. Nội dung kháng nghị về xác định mối quan hệ pháp luật:

Ông Hoàng Minh Q khởi kiện đề nghị tuyên bố vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất giao kết giữa cụ Nguyễn Văn H với ông Nguyễn Ngọc T3 và bà Đoàn Thị H2 ngày 13/12/2019; chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất số 77, tờ bản đồ số 41, diện tích 457,4m2; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ887712 cấp ngày 13/11/2006 mang tên cụ Nguyễn Văn H và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cấp ngày 06/3/2018 mang tên cụ Nguyễn Văn H **và chuyển nhượng cho** ông Nguyễn Ngọc T3, bà Đoàn Thị H2,...nhưng ngày 05/4/2021 Tòa án huyện Vân Đồn thụ lý lại xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp quyền sử dụng đất" là chưa chính xác.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 09/11/2020 (Bút lục số 74-79), đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung ghi ngày 28/12/2020 (Bút lục số 84-88) đều có nội dung yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Tuyên vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất giao kết giữa ông Nguyễn Văn H với ông Nguyễn

Ngọc T3 và bà Đoàn Thị H2, được công chứng tại Văn phòng C1 Quảng huyện V, tỉnh Quảng Ninh ngày 23/12/2019.

- Chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với diện tích 457,4m2 tại thửa đất số 77, tờ bản đồ số 41, địa chỉ thửa đất tại thôn A, xã H, huyện V, tỉnh Quảng Ninh.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AĐ 887712, số vào sổ cấp GCN: H 2730, do UBND huyện V cấp ngày 13/11/2006 mang tên ông Nguyễn Văn H. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: CL 157949, số vào sổ cấp GCN: CH06067, do UBND huyện V cấp ngày 06/3/2018 mang tên ông Nguyễn Văn H.

Như vậy, với nội dung yêu cầu khởi kiện nêu trên, xác định được quan hệ pháp luật tranh chấp là: "Tranh chấp về Hợp đồng vô hiệu, tranh chấp về thừa kế theo pháp luật và yêu cầu hủy quyết định cá biệt". Tại Thông báo về việc thụ lý vụ án số: 04/TB-TA ngày 05/4/2021 của Tòa án cấp sơ thẩm (Bút lục số 103-104) xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp quyền sử dụng đất" là không chính xác. Nội dung kháng nghị nêu trên của Viện kiểm sát có căn cứ chấp nhận.

[2.2]. Nội dung kháng nghị về thu thập chứng chưa đầy đủ, vi phạm Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự:

- Nguyên đơn cho rằng cụ H chuyển nhượng thửa đất tranh chấp giá 6.800.000.000 đồng, trong đó đặt cọc 100.000.000 đồng, chuyển khoản 6.700.000.000 đồng; phù hợp với sao kê của Ngân hàng về việc ngày 23/12/2019 cụ H mở tài khoản, và cũng trong ngày 23/12/2019, cụ H nhận chuyển khoản của ông T3 số tiền 6.700.000.000 đồng; cũng phù hợp với lời khai của người làm chứng là ông Phạm Minh T9 về việc ông T9 chính là người tìm được người mua thửa đất của cụ H và biết rõ cụ H chuyển nhượng với giá 6.800.000.000 đồng. Tuy nhiên cấp sơ thẩm chưa ghi lời khai của vợ chồng ông T3, bà H2 và cụ H để làm rõ giá chuyển nhượng thửa đất cũng như ông T9 *chuyển nhượng cho cụ H số tiền 6.700.000.000 đồng vào tài khoản, mà đã nhận định không có căn cứ để* khẳng định cụ H bán nhà cho ông T3 bà H2 với giá 6.800.000.000đ, là chưa chính xác. Hội đồng *xét xử xét thấy:*

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm không lấy lời khai của vợ chồng ông T3, bà H2 để làm rõ giá chuyển nhượng thửa đất cũng như ông việc chuyển nhượng cho cụ H số tiền 6.700.000.000 đồng vào tài khoản, mà đã nhận định không có căn cứ để khẳng định cụ H bán nhà cho ông T3 bà H2 với giá

6.800.000.000đ, là chưa chính xác. Nội dung kháng nghị này của Viện kiểm sát là có căn cứ. Sai sót nêu trên của Tòa án cấp sơ thẩm đã được khắc phục tại cấp phúc thẩm. Tại bản khai ngày 17/4/2023, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Ngọc T3 khai nhận có chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn H tổng số 6.800.000.000 đồng, trong đó chuyển 300.000.000 đồng tiền mua đất theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ký với ông Nguyễn Văn H và chuyển số tiền 6.500.000.000 đồng ngoài hợp đồng theo yêu cầu của ông Nguyễn Văn H. Xét thấy tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến phiên Tòa. Tại Tòa án cấp sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của bị đơn khai về số tiền ông H chuyển nhượng nhà đất cho vợ chồng ông T3 bà H2 là 320.000.000 đồng, số tiền 6.700.000.000 đồng ông T3 chuyển từ tài khoản của ông T3 vào tài khoản của ông H không phải là tiền nhận chuyển nhượng nhà đất của ông H. Bản sao kê của Ngân hàng A chi nhánh V1 cung cấp cho Tòa án cấp sơ thẩm có nội dung thể hiện ngày 23/12/2019 ông Nguyễn Ngọc T3 chuyển vào tài khoản của ông Nguyễn Văn H tại Ngân hàng A chi nhánh V1 số tiền 6.700.000.000 đồng, nhưng không ghi nội dung chuyển tiền là chuyển tiền gì. Vì vậy chưa có đủ cơ sở để kết luận số tiền 6.700.000.000 ông T3 chuyển cho ông H ngày 23/12/2023 là tiền nhận chuyển nhượng nhà đất của ông H.

Đối với nội dung kháng nghị Hội đồng định giá tài sản đã căn cứ Quyết định số 42/2019/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND quy định các loại giá đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh để định giá thửa đất đang tranh chấp mà không xem xét đến Quyết định số 3955/QĐ-UBND ngày 9/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Q về việc phê duyệt giá đất để bồi thường, hỗ trợ tái định cư, thực hiện dự án mở rộng tuyến đường 334 đối với một số hộ dân thuộc xã H, xã V, huyện V là chưa đầy đủ, vi phạm khoản 8 Điều 94, khoản 1 Điều 108 của Bộ luật tô tụng dân sự:

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, ngày 17/4/2023 ông Từ Tú D2 là Chủ tịch Hội đồng định giá tài sản huyện V theo Quyết định Định giá tài sản và thành lập Hội đồng định giá tài sản số 01/2022/QĐ-ĐG ngày 21/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Vân Đồn khai: diện tích 457,4m2 tại thửa đất số 77, tờ bản đồ số 41, địa chỉ thửa đất tại thôn A, xã H, huyện V, tỉnh Quảng Ninh do Hội đồng định giá tài sản huyện V tiến hành định giá theo Quyết định của Tòa án huyện V, thửa đất không thuộc diện bồi thường giải phóng mặt bằng, vì vậy không có căn cứ để Hội đồng định giá tài sản áp dụng Quyết định số 3955/QĐ-UBND ngày 9/11/2021 của

Ủy ban nhân dân tỉnh Q để xác định giá đối với diện tích 457,4m2 đất nêu trên. Do các đương sự không thỏa thuận được với nhau về giá trị thửa đất, cũng không thỏa thuận lựa chọn được tổ chức thẩm định giá tài sản để xác định giá đất; vì vầy Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ khoản 3 Điều 104 Bộ luật tố tụng dân sự Quyết định thành lập Hội định giá tài sản để tiến hành định giá diện tích 457,4m2 tranh chấp là đúng quy định của pháp luật. Vì vậy nội dung kháng nghị này của Viện kiểm sát không có cơ sở chấp nhận.

[2.3]. Nội dung kháng nghị: Ông Q khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật. Phần nhận định của bản án đều xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ T6 có 07 người gồm: cụ H và các ông bà: Quyết, L1, O1, T5, G, T4. Do các ông, bà T5, G, T4 không có quan điểm nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Các ông, bà [T5], G, T4 có quyền yêu cầu giải quyết chia thừa kế trong vụ án khác nên Quyết định của Bán án chỉ buộc cụ H phải có nghĩa vụ thanh toán cho các ông Hoàng Minh Q, Hoàng Đức L1, Hoàng Ngọc O1, mỗi người số tiền 86.969.921 đồng, mà không tuyên cụ H phải có nghĩa vụ thanh toán cho các ông, bà: Nguyễn Văn T5, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Thị G là vi phạm Điều 651 Bộ luật dân sự. Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định được ông Nguyễn Văn T4, ông Nguyễn Văn T5, bà Nguyễn Thị G là con chung của bà Hoàng Thị [T6] với ông Nguyễn Văn H, nên thuộc hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của bà Hoàng Thị T6. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã đưa ông T4, ông T5, bà G vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Bản án sơ thẩm xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Hoàng Thị T6 gồm có: ông Hoàng Minh Q, ông Hoàng Đức L1, ông Hoàng Ngọc O1, ông Nguyễn Văn T4, ông Nguyễn Văn T5, bà Nguyễn Thị G, ông Nguyễn Văn H là có căn cứ đúng pháp luật. Tuy nhiên, bản án nhận định trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã báo gọi nhiều lần nhưng không đến Tòa, không có quan điểm tại Tòa nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Các anh Nguyễn Văn T4 (tên thường gọi là H3), Anh Nguyễn Văn T5 (tên thường gọi là X), Chị Nguyễn Thị G được quyền yêu cầu giải quyết chia thừa kế trong vụ án khác, là không chính xác. Nội dung kháng nghị này của Viện kiểm sát có căn cứ chấp nhận. Cần sửa bản án theo hướng buộc ông Nguyễn Văn H phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn T4, ông Nguyễn Văn T5, bà Nguyễn Thị G, mỗi người số tiền là: 86.969.921đ (tám mươi sáu triệu chín trăm sáu mươi

chín nghìn chín trăm hai mươi mốt đồng). Tạm giao cho ông Nguyễn Văn H quản lý số tiền mà ông T4, ông T5, bà G được chia thừa kế nêu trên. Ông H phải có nghĩa vụ bàn giao lại số tiền trên cho ông T4, ông T5, bà G khi ông T4, ông T5, bà G có yêu cầu.

[3]. Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn:

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1]. Đối với nội dung kháng cáo yêu cầu xác định di sản của cụ Hoàng Thị T6 để lại là toàn bộ nhà đất tại thôn A, xã H, huyện V, tỉnh Quảng Ninh:

Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện cụ Hoàng Văn P và cụ Hoàng Thị T6 sau khi kết hôn sống tại huyện H, tỉnh Quảng Ninh và sinh được ba người con là Hoàng Đức L1, Hoàng Minh Q và Hoàng Ngọc O1. Năm 1965, cụ Hoàng Văn P chiến đấu hy sinh. Sau khi cụ P chết, cụ T6 chung sống với cụ Nguyễn Văn H và sinh được 03 người con là ông Nguyễn Văn T4 sinh năm 1971, ông Nguyễn Văn T5 sinh năm 1973, bà Nguyễn Thị G sinh năm 1974. Như vậy cụ H và cụ T6 chung sống cùng nhau trước ngày 03/01/1987, nên theo quy định tại Nghị quyết số 35/2000/QH10 thì hôn nhân giữa cụ H và cụ T6 được xác định là hôn nhân thực tế.

Năm 1980 cụ T6 chuyển về huyện V và được Nhà nước giao cho thửa đất diện tích 450m2 tại thôn A, xã H, huyện V, tỉnh Quảng Ninh. Ngày 26/9/2003, cụ T6 được UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 068536 vào sổ cấp đất số: 1156/QSDĐ diện tích là 450m2. Diện tích 450m2 đất nêu trên được hình thành hợp pháp trong thời kỳ hôn nhân của cụ T6 với cụ H, nên theo quy định của Luật hân nhân và gia đình năm 2000 thì diện tích đất 450m2 được UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 068536 vào sổ cấp đất số: 1156/QSDĐngày 26/9/2003 nêu trên thuộc quyền sử dụng chung của cụ T6 và cụ H. Bản án sơ thẩm xác định di sản của cụ T6 để lại là ½ giá trị thửa đất, ½ giá trị nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thôn A, xã H, huyện V, tỉnh Quảng Ninh, là có căn cứ, đúng pháp luật. Nội dung kháng cáo này của nguyên đơn không có cơ sở chấp nhận.

[3.2]. Đối với nội dung kháng cáo không đồng ý với Bản án sơ thẩm xác định giá trị quyền sử dụng đất theo kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản huyện V:

Nội dung kháng cáo này trùng với nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát. Như đã phân tích tại mục [2.2] nêu trên, Bản án sơ thẩm xác định giá trị quyền sử dụng đất tranh chấp theo kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản huyện V là có căn cứ, đúng pháp luật. Nội dung kháng cáo này của nguyên đơn không có cơ sở chấp nhận.

[3.3]. nội dung kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện tuyên vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giao kết giữa ông Nguyễn Văn H với vợ chồng ông Nguyễn Ngọc T3 bà Đoàn Thị H2; và giải quyết hậu quả của Hợp đồng vô hiệu. Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại thời điểm ông Nguyễn Văn H chuyển nhượng nhà đất cho vợ chồng ông Nguyễn Ngọc T3 và bà Đoàn Thị H2 ngày 23/12/2019, ông Nguyễn Văn H đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 06067. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 06067 không bị cơ quan Nhà nước thu hồi, không bị cầm cố, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất; vì vậy đủ điều kiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai năm 2013. Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông H với vợ chồng ông T3 bà H2 là hoàn toàn tự nguyện, được công chứng chứng thực theo quy định, được đăng ký biến động vào sổ địa chính. Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giao kết giữa ông Nguyễn Văn H với vợ chồng ông Nguyễn Ngọc T3 bà Đoàn Thị H2, và giải quyết hậu quả của Hợp đồng vô hiệu là có căn cứ, đúng pháp luật. Nội dung kháng cáo này của nguyên đơn không có cơ sở chấp nhận.

[3.4]. Nội dung kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện tuyên vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, lập ngày 01/4/2021 giữa ông Lưu Đức H1 với vợ chồng ông Nguyễn Ngọc T3 bà Đoàn Thị H2, và giải quyết hậu quả của Hợp đồng vô hiệu. Hội đồng xét xử xét thấy:

Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giao kết giữa ông Lưu Đức H1 với vợ chồng ông Nguyễn Ngọc T3 và bà Đoàn Thị H2 ngày 23/12/2019, được công chứng tại Văn phòng C1, công chứng số 6347 ngày 23/12/2019; được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện V đăng ký biến động ngày 07/01/2020. Vì vậy vợ chồng ông T10 bà H2 được xác lập quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 188 Luật đất đai năm 2013 và được

quyền chuyển nhượng thửa đất cho ông Lưu Đức H1. Tại thời điểm giao kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông T3 bà H2 với ông Lưu Đức H1, vợ chồng ông T3 bà H2 đủ điều kiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai, việc chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật. Vì vậy Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giao kết giữa ông Lưu Đức H1 với vợ chồng ông Nguyễn Ngọc T3 bà Đoàn Thị H2; và giải quyết hậu quả của Hợp đồng vô hiệu là có căn cứ, đúng pháp luật. Nội dung kháng cáo này của nguyên đơn không có cơ sở chấp nhận.

[3.5]. Nội dung kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm tuyên không chấp nhận yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 887712, số vào sổ cấp GCN: H2730 do UBND huyện V cấp ngày 13/11/2006 mang tên ông Nguyễn Văn H; và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CL 157949, số vào sổ cấp GCN: CH 06067 do UBND huyện V cấp ngày 06/3/2018 mang tên ông Nguyễn Văn H, được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện V đăng ký biến động tên Nguyễn Ngọc T3 và Đoàn Thị H2 ngày 07/01/2020. Hội đồng xét xử xét thấy:

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND huyện V khai: ngày 13/11/2006, ông Nguyễn Văn H được UBND huyện V cấp đổi sang giấy chứng nhận, số vào sổ H 2730; diện tích cấp 450m2 (trong đó 400 m2 đất ở; 50m2 đất trồng cấy lâu năm), tại thôn A, xã H, huyện V. Khi chuyển tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ bà Hoàng Thị T6 sang ông Nguyễn Văn H, gia đình chưa thực hiện phân chia di sản cho các hàng thừa kế theo quy định của pháp luật. Việc gia đình ông Nguyễn Văn H năm 2006 chưa thực hiện việc phân chia di sản thừa kế cho các hàng thừa kế theo quy định của pháp luật mà đã thực hiện việc sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ bà Hoàng Thị T6 sang tên ông Nguyễn Văn H là trái với quy định của pháp luật. Nhưng do ông H đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông T3 bà H2, và đã được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện V đăng ký biến động, nên theo quy định tại khoản 5 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định: “Nhà nước không thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp trái pháp luật trong các trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 của Luật đất đai nếu người được cấp Giấy chứng nhận đã thực hiện thủ tục chuyển đổi, chuyển nhượng quyền sử dụng

đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc chuyển mục đích sử dụng đất và đã được giải quyết theo quy định của pháp luật...". Vì vậy, Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 887712, số vào sổ cấp GCN: H2730 do UBND huyện V cấp ngày 13/11/2006 mang tên ông Nguyễn Văn H, là có căn cứ, đúng pháp luật. Nội dung kháng cáo này của nguyên đơn không có cơ sở chấp nhận.

Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của người kế thừa quyền nghĩa vụ của nguyên đơn không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh Bản án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Vì vậy không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm của nguyên đơn.

[4]. Xét nội dung kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Ngyễn Thị D3 kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu xét xử phúc thẩm, sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận tòa bộ yêu cầu độc lập của bà D3. Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bà D3 khai trên thửa đất đang tranh chấp có tài sản chung của vợ chồng bà và ông Q là ngôi nhà cấp 4 diện tích 28,7m2 do vợ chồng ông bà bỏ tiền ra xây. Mẹ chồng bà là bà Hoàng Thị T6 là vợ liệt sỹ được hưởng chính sách của Nhà Nước hỗ trợ 5.000.000 đồng. Vợ chồng bà đã bỏ ra thêm 8.000.000 đồng để xây dựng nên ngôi nhà hết 13.000.000 đồng. Năm 2004, sau khi mẹ chồng bà chết, vợ chồng bà vẫn tiếp tục quản lý ngôi nhà này. Được một thời gian, ông H dọn vào ở nhưng không xin phép vợ chồng bà, nên đã sảy ra tranh chấp. Vụ việc đã phải nhờ đến sự can thiệp của UBND xã H hòa giải. Sau này, do nể ông H đã sống chung với mẹ chồng bà một thời gian và ông *H cũng đã già nên vợ chồng bà cho ông H ở nhờ trong ngôi nhà nêu trên. Việc ông H tự ý chuyển nhượng ngôi nhà cấp 4, diện tích 28,7m2 của vợ chồng bà cho ông Nguyễn Ngọc T3 và bà Đoàn Thị H2 là trái pháp luật. Bà* Nguyễn Thị D yêu cầu ông H thanh toán cho vợ chồng bà số tiền xây dựng ngôi nhà tính theo giá trị hiện tại là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Yêu cầu độc lập của bà D không được ông H chấp nhận. Bà D không cung cấp được chứng cứ chứng minh về ngôi nhà trên là tài sản do vợ chồng bà xây dựng lên. Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà D là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà D vắng mặt, người đại diện theo ủy quyền của bà D là bà Mai Phương T2 vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, và không cung cấp

được tài liệu chứng cứ bổ sung. Vì vậy không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo của bà D.

[5]. Bản án sơ thẩm ngoài những nội dung bị kháng cáo, kháng nghị nêu trên, Bản án còn có vi phạm như sau:

Ngày 25/02/2021 người khởi kiện nộp đơn khởi kiện kèm theo các tài liệu chứng cứ, trong đó có đơn đề nghị được miễn nộp tiền tạm ứng án phí sơ thẩm. Ông Hoàng Minh Quyết s năm 1958, nên theo quy định tại Nghị quyết số 326/QH14 thì ông Q là người cao tuổi và thuộc đối tượng được miễn tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên ngày 01/4/2021 Tòa án cấp sơ thẩm vẫn ra thông báo số 43/TB-TA yêu cầu ông Q phải nộp tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng. Tại Bản án sơ thẩm số 12/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Vân Đồn tuyên miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Q, nhưng không tuyên trả lại số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông Q đã nộp là có thiếu xót.

Vì vậy cần sửa một phần bản án theo hướng tuyên trả lại cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Hoàng Minh Q số tiền 300.000đ ông Q đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002048 ngày 05/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vân Đồn.

[6]. Về án phí dân sự phúc thẩm.

Người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông Hoàng Minh Q, bà Nguyễn Thị D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Hoàng Minh Q; không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D.

Chấp nhận một phần Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh.

Sửa một phần Bản án sơ thẩm số: 12/2022/DS - ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh.

Áp dụng khoản 3 và khoản 5 Điều 26, Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố Tụng dân sự; điểm d khoản 2 Điều 106, khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 650, Điều 651, khoản 2 Điều 133 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Minh Q đối với ông Nguyễn Văn H.

Buộc ông Nguyễn Văn H phải có nghĩa vụ thanh toán cho các ông bà: Hoàng Đức L1, Hoàng Ngọc O1, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Văn T5, Nguyễn Thị G, mỗi người số tiền 86.969.921đ (tám mươi sáu triệu, chín trăm sáu mươi chín nghìn, chín trăm hai mươi mốt đồng); buộc ông Nguyễn Văn H phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị D, anh Hoàng Đức Q1, chị Hoàng Nha T số tiền 86.969.921đ (tám mươi sáu triệu, chín trăm sáu mươi chín nghìn, chín trăm hai mươi mốt đồng); là di sản thừa kế của cụ Hoàng Thị T6. Tạm giao cho ông Nguyễn Văn H quản lý số tiền mà ông T4, ông T5, bà G được chia thừa kế nêu trên. Ông H phải có nghĩa vụ bàn giao lại số tiền trên cho ông T4, ông T5, bà G khi ông T4, ông T5, bà G có yêu cầu.

2. Không chấp nhận các yêu cầu của ông Hoàng Minh Q gồm:

- Yêu cầu tuyên bố Vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất giao kết giữa ông Nguyễn Văn H với ông Nguyễn Ngọc T3 và bà Đoàn Thị H2.

- Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 887712, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H 2730 do UBND huyện V cấp ngày 13/11/2006 mang tên ông Nguyễn Văn H; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CL 157949, số vào sổ : CH 06067 do UBND huyện V cấp ngày 06/3/2018 mang tên ông Nguyên Văn H4 chuyển nhượng cho ông Nguyễn Ngọc T3 ***và bà*** Đoàn Thị H2 được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện V xác nhận ngày 07/01/2020.

- Yêu cầu Tòa án tuyên bố vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 01/4/2021 giữa anh Lưu Đức H1 với ông Nguyễn Ngọc T3 và bà Đoàn Thị H2 và giải quyết hậu quả của Hợp đồng vô hiệu.

- Yêu cầu giải quyết hậu quả của Hợp đồng vô hiệu trong trường **hợp** Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giao kết giữa ông Nguyễn Văn H với ông Nguyễn Ngọc T3 và bà Đoàn Thị H2 bị vô hiệu.

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Lưu Đức H1: **g**iữ nguyên Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất

giữa ông Nguyễn Ngọc T3, bà Đoàn Thị H2 với ông Lưu Đức H1 lập ngày 01/4/2021 tại Văn phòng C1. Ông Lưu Đức H1 có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để hoàn tất thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đã ký kết với ông Nguyễn Ngọc T3, bà Đoàn Thị H2 được công chứng số: 906, quyển 02/2021 TP/CC – SCC/HĐGD ngày 01/4/2021 tại Văn phòng C1.

4. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị D về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn H thanh toán giá trị ngôi nhà cấp 4 diện tích 28,70m2 cho bà và ông Hoàng Minh Q.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí:

Người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông Hoàng Minh Q là bà Nguyễn Thị D, anh Hoàng Đức Q1, chị Hoàng Nha T được miễn án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông Hoàng Minh Q là bà Nguyễn Thị D, anh Hoàng Đức Q1, chị Hoàng Nha T số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ông Q đã nộp theo lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002048 ngày 05/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vân Đồn .

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm số 12/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Ninh.
- TAND huyện Vân Đồn.
- THADS huyện Vân Đồn.
- Các đương sự.
- Luu HS - VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Ánh